

Số: 411/TB -TYT

Chương Mỹ, ngày 01 tháng 7 năm 2026

V/v: Thông báo mua tài sản, công cụ
thanh lý.

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản,
công cụ thanh lý.

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ - CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-TYT ngày 14/4/2026 của Trạm Y tế phường
Chương Mỹ về việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ năm 2026;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 337/2026/62CT ngày 11/5/2026 của
Công ty Cổ phần thẩm định giá Gia Định;

Căn cứ kết quả biên bản xác nhận hết thời gian đăng ký tham gia mua tài
sản thanh lý ngày 30/6/2026 của Trạm y tế phường Chương Mỹ.

Trạm Y tế phường Chương Mỹ thông báo có nhu cầu bán thanh lý danh
mục tài sản, công cụ như sau:

**1. Danh mục tài sản, công cụ được phê duyệt thanh lý: (Có phục lục
kèm theo)**

2. Mục đích: Lựa chọn tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị mua tài sản,
công cụ thanh lý sớm nhất với mức giá tối thiểu là: 20.806.500 đồng (Bằng chữ:
Hai mươi triệu tám trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng.)

Yêu cầu: đơn vị trúng thu mua có trách nhiệm ký hợp đồng mua và vận
chuyên tài sản, công cụ hỏng đúng thời gian cam kết.

3. Thời điểm nhận văn bản đề nghị mua: từ 14h00 ngày 01/7/2026 đến
17h ngày 07/7/2026, trừ ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật. (Có mẫu đính kèm)

**4. Nơi đăng thông báo và nơi nhận văn bản đề nghị mua tài sản, công
cụ thanh lý:**

- Nơi đăng thông báo:

+ Thông báo được dán tại trụ sở Trạm Y tế phường Chương Mỹ - Tổ dân
phố Nội An - phường Chương Mỹ - Hà Nội.

+ Thông báo được đăng tải trên trang Website :

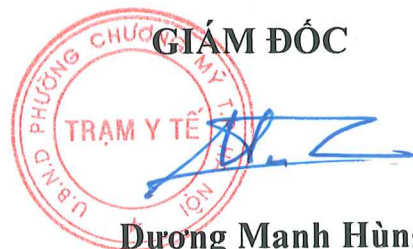
<https://trungtamytechuongmy.vn>

- Nơi xem hiện trạng tài sản thanh lý và nhận văn bản đề nghị mua tài sản
thanh lý: Phòng Hành chính tổng hợp, Trạm Y tế phường Chương Mỹ trong giờ
hành chính (Liên hệ CN Đặng Hữu Thuận - Số điện thoại: 0904 687 939).Địa chỉ:
Tổ dân phố Nội An, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trạm Y tế phường Chương Mỹ kính mời các tổ chức, cá nhân tham gia mua
tài sản, công cụ thanh lý./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Tổ HCTCNS;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Dương Mạnh Hùng

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ 2026

(Kèm theo thông báo số ~~44~~ TB-TYT ngày 01/7/2026 của trạm y tế phường Chương Mỹ)

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	
1	Máy siêu âm đen trắng Aloka - MSA - TXT	Chiếc	1	2010	Aloka - Nhật	Model SSD - 500 M17783C	290.300.000	Thụy Hương
2	Máy siêu âm đen trắng Aloka - MSA - NH	Chiếc	1	2010	Aloka - Nhật	Model Prosound 2 - 200M9672	290.300.000	Thụy Hương
3	Nồi hấp áp lực 18 lít	Chiếc	1	2010	TOMY SEIKO Nhật	Model Autoclave ES-215 IEC898	111.500.000	Thụy Hương
4	Nồi hấp áp lực 18 lít	Chiếc	1	2010	TOMY SEIKO Nhật	Model Autoclave ES-215	111.500.000	Chúc Sơn
5	Nồi hấp tiết trùng	Chiếc	1	2021	Jiangyin biniang	21S/08918	19.140.000	Tiên Phương
6	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG	70.250.000	Chúc Sơn
7	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG - 4411324	70.250.000	Phụng Châu
8	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG	70.250.000	Tiên Phương
9	Tủ lạnh chuyên dụng	Chiếc	1	2014	RCW 50EG	Luxembourg - 4431189	70.250.000	Biên Giang
10	Máy hút dịch	Chiếc	1	2011	Nhật bản	11070584	28.500.000	Phụng Châu
11	Máy hút dịch	Chiếc	1	2011	Nhật bản	A/B32	28.500.000	Thụy Hương
12	Máy soi cổ tử cung	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	ZL - 604E	149.895.900	Dân số
13	Máy sinh hoá nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	U120 Urine Anl	17.500.000	Dân số
14	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2011	Đức	72286	30.800.000	Phụng Châu
15	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2011	UK	AA/LR6 1,5v	30.800.000	Tiên Phương
16	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2016	UK	AA/LR6	36.345.000	Thụy Hương
17	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc	1	2011	Grmany	SN 205646	28.500.000	Biên Giang

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị				Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri		
18	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc	1	2023	Đức	UL0105 Pro	35.000.000	Tiên Phương
19	Máy theo dõi tim thai	Chiếc	1	2011	Japan	Doppler - FD 390	33.600.000	Tiên Phương
20	Máy theo dõi tim thai Doppler	Chiếc	1	2010	Japan	TOITU	32.800.000	Thuy Hương
21	Máy khí dung	chiếc	1	2013	inc-Japan	Comfort 2000ku-400	21.800.000	Chúc Sơn
22	Kính hiển vi 2 mắt	Chiếc	1	2011	Nhật Bản	838938	34.700.000	Phụng Châu
23	Kính hiển vi 2 mắt	Chiếc	1	2011	Nhật Bản	Nikon	34.700.000	Thuy Hong
24	Máy phun thuốc phòng dịch	Chiếc	1	2011	Trung Quốc		13.281.000	Phụng Châu - Cháy đen
25	Máy phun thuốc phòng dịch	Chiếc	1	2011	Đức	SR420	13.281.000	Thuy Hương
26	Máy phun thuốc phòng dịch	Chiếc	1	2011	Đức		11.531.000	Tổ Phòng bệnh
27	Máy phun hoá chất	Chiếc	1	2017	Đức	SR240 - 42039673304GS	22.000.000	Tổ Phòng bệnh
28	Máy phun thuốc phòng dịch Sờ cấp	Chiếc	1	2011	Nhật	MD150DX-13CE	55.200.000	Tổ Phòng bệnh
29	Máy phun tồn lưu	Chiếc	1	2020	Đức	SOLO-Port 42311	27.800.000	Tổ Phòng bệnh
30	Máy phun thuốc phòng dịch DPTP cấp	chiếc	1	2010	Đức		39.930.000	Tổ Phòng bệnh
31	Máy phun ULV	chiếc	1	2017	Đức	ULV Swingtec Fontan - 1706260530	65.800.000	Tổ Phòng bệnh
32	Máy phun ULV	chiếc	1	2017	Đức	ULV Swingtec Fontan -172408	65.800.000	Tổ Phòng bệnh
33	Máy phun tồn lưu giặt nở	Chiếc	1		Đức	Solo 423 Port	28.000.000	Tổ Phòng bệnh
34	Máy vi tính	Chiếc	1	2017	Việt Nam	CMS	10.400.000	Chúc Sơn
35	Bộ máy tính - BHXH	Bộ	1	2017	China	Dell	12.560.000	Phụng Châu
36	Bộ máy tính - BHXH	Bộ	1	2017	China	Dell - L411	12.560.000	Thuy Hương

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri			
37	Máy vi tính + Máy in	bộ	1	2011	Korea	LG - 010VNRG1X64	10.995.000	Biên Giang	
38	Máy vi tính + Máy in	bộ	1	2012	China	HP - 6CM152009N	13.500.000	Biên Giang	
39	Máy vi tính	chiếc	1	2010	Đông Nam Á		10.600.000	Tổ Hành chính	
40	Máy phô tô - D.số cũ	cái	1	2014	RICOH		86.850.000	Tổ Hành chính	
41	Máy vi tính xách tay	cái	1	2010	Trung Quốc	Acer aspire	22.858.000	Tổ KHNH - Hur	
42	Máy vi tính	cái	1	2014	Việt Nam	Model W19438E	11.500.000	Dân số	
43	Điều hoà	cái	1	2016	Việt nam	LG 12000BTU	12.326.000	Chúc Sơn	
44	Điều hoà	cái	1	2016	Hàn Quốc	LG S09 12000BTU	12.326.000	Thụy Hương	
45	Điều hoà	cái	1	2016	Hàn Quốc	LGS06EN2 - 9000BTU	10.076.000	Thụy Hương	
46	Tăng âm liền loa	Chiếc	1	2019	Việt Nam - MA 318	Inpropr 501	16.423.000	Tiên Phương	
47	Tăng âm liền loa	Chiếc	1	2019	Việt Nam	Inpropr 501 - SO 630M	16.423.000	Thụy Hương	
48	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Phụng Châu	
49	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto - CE0091	12.000.000	Tiên Phương	
50	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Ngọc Hoà	
51	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Đại Yên	
52	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	chiếc	1	2011	Đức		30.800.000	Đại Yên	
53	Máy phun thuốc phòng dịch	chiếc	1	2011	Đức		13.281.000	Đại Yên	
Tổng cộng (53 danh mục)							2.341.281.900		



TRẠM Y TẾ PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ

DANH MỤC CÔNG CỤ, DỤNG CỤ THANH LÝ 2026

(Kèm theo thông báo số 441 /TB-TYT ngày 01/7/2026 của trạm y tế phường Chương Mỹ)

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
1	TỔ HÀNH CHÍNH -TC-NS					3.000.000	
1	Bảng thông báo hội thảo	2016	Việt Nam	650.000	1	650.000	
2	Tủ tài liệu 4 ô cánh kính	2010	Việt Nam	2.350.000	1	2.350.000	
2	TỔ DƯỢC -TBYT-CLS					5.545.000	
1	Bảng khung nhôm KT 245 x 125 cm	2015	Việt Nam	1.450.000	1	1.450.000	
2	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	Việt Nam	720.000	1	720.000	
3	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	Việt Nam	2.560.000	1	2.560.000	
4	Đồng hồ bấm giây	2012	"	495.000	1	495.000	
5	Giá để dụng cụ 18 lỗ	2010	"	320.000	1	320.000	
3	TỔ KHÁM BỆNH - CHỮA BỆNH					14.212.000	
1	Bình bơm điện phun hoá chất Oshima OS20	2018	Tr. Quốc	1.000.000	1	1.000.000	
2	Bình phun tay	2020		4.600.000	1	4.600.000	
3	Máy phun hoá chất chạy ắc qui	2019	Tr. Quốc	1.305.000	1	1.305.000	
4	Đệm cứng	2020	Việt nam	2.387.000	1	2.387.000	
5	Bộ nạo hút thai	2009	"	3.390.000	1	3.390.000	
6	Quạt cây Media	2016	Việt nam	1.500.000	1	1.500.000	
7	Hộp đựng bông cotton	2009	"	30.000	1	30.000	
4	TỔ PHÒNG BỆNH - ATTP					12.305.000	
1	Tivi LED TCL L3202790	2013	Việt nam	5.975.000	1	5.975.000	
2	Ôn áp Lioa 2kw	2012	"	2.000.000	1	2.000.000	
3	Bảng khung nhôm KT 245 x 125 cm	2015	"	1.450.000	1	1.450.000	
4	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	"	1.440.000	2	2.880.000	
						-	
5	TỔ DÂN SỐ - BẢO TRỢ XH					10.098.000	
1	Ghế gấp G01	2014	Việt Nam	320.000	4	1.280.000	
2	TP link	2014	"	539.000	1	539.000	
3	Tủ I tế I nox	2014	"	1.200.000	3	3.600.000	
4	Máy In Canon LBP 3300	2014	TQ	4.679.000	1	4.679.000	
6	TỔ KHÁM BỆNH TÂM THẦN					4.716.000	
1	Tủ thuốc I Nox 5 tầng 2 khoang	2023	"	4.716.000	1	4.716.000	
7	ĐIỂM Y TẾ CHÚC SƠN					71.151.155	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
1	Ti vi LED TCL L 3202790	2016	Việt nam	5.975.000	1	5.975.000	
2	Máy in Canon 2900	2011	TQ	3.300.000	1	3.300.000	
3	Bình phòng cháy chữa cháy bột ABC 4kg	2024	Việt nam	156.060	2	312.120	
4	Màn chiếu 3 chân KT 70x 70	2019	Việt nam	1.750.000	1	1.750.000	
5	Tăng âm	2010	Việt nam	9.000.000	1	9.000.000	
6	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2021	Việt Nam	468.600	2	937.200	
7	Bàn máy vi tính gỗ nâu MDF KT 120 x 60 x 75 cm	2018	Việt Nam	2.200.000	1	2.200.000	
8	Ghế gấp hoà phát	2010	Việt nam	556.500	2	1.113.000	
9	Ghế gấp G01 Xuân hoà	2013	Việt nam	350.000	1	350.000	
10	Ghế hoà phát 7 nan	2010	Việt nam	260.000	2	520.000	
11	Ghế I Nox 4 chân	2010	Việt nam	244.750	12	2.937.000	
12	Loa nén TOA	2010	Việt Nam	1.984.500	2	3.969.000	
13	Ổn áp Hansico - 15kva	2011	Việt Nam	8.676.800	1	8.676.800	
14	Ổn áp Lioa 2kw	2011	Việt Nam	2.000.000	1	2.000.000	
15	Quạt cây Komasu KM450	2015	Việt Nam	1.900.000	2	3.800.000	
16	Máy hút dịch	2021	Việt Nam	3.674.000	1	3.674.000	
17	Máy đo đường huyết Oncall	2021	Việt Nam	934.500	1	934.500	
18	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2021	Nhật	700.000	2	1.400.000	
19	Máy đo nồng độ SPO2 - CONTEX CMS 50D	2022	Trung Quốc	100.000	4	400.000	
20	Máy đo SPO2 - Plulse	2021	"	445.000	1	445.000	
21	Máy đo SPO2 - Kaneco	2022	"	89.000	5	445.000	
22	Bảng thị lực	2012	Việt Nam	718.200	1	718.200	
23	Cân trẻ sơ sinh	2015	"	677.985	1	677.985	
24	Đèn gù	2010	"	399.000	3	1.197.000	
25	Đệm cứng	2010	"	2.387.000	1	2.387.000	
26	Giường I nox	2009	Việt Nam	1.565.000	2	3.130.000	
27	Hộp đựng bông cotton	2020	"	48.000	1	48.000	
28	Hộp I nox 31 x 16 cm	2020	"	248.000	2	496.000	
29	Kéo thẳng 17,5 cm	2020	"	79.800	1	79.800	
30	Quạt sưởi cây Face	2012	"	1.500.000	1	1.500.000	
31	Thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm (màu đen)	2020	"	920.000	1	920.000	
32	Thùng Rumine	2010	Việt Nam	1.017.450	1	1.017.450	
33	Thước đo nằm	2014	"	162.500	2	325.000	
34	Thước đo đứng	2014	"	490.000	2	980.000	
35	Panh không máu 16cm	2020	"	36.100	1	36.100	
36	Tủ tài liệu bằng sắt chia hai phần kính + sắt	2010	"	3.500.000	1	3.500.000	
8	ĐIỂM Y TẾ PHỤNG CHÂU					79.000.074	
1	Ghế xoay văn phòng SG Hoà phát	2012	Việt Nam	1.825.000	1	1.825.000	
2	Máy In Cano LBP 2900	2012	TQ	3.830.000	1	3.830.000	
3	Máy in OKI	2014	"	7.622.574	1	7.622.574	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
4	Tủ sấy tiệt trùng	2009	Việt Nam	1.674.000	1	1.674.000	
5	Bảng thị lực	2012	Việt Nam	718.000	1	718.000	
6	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2018	"	937.200	2	1.874.400	
7	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2014	"	960.000	1	960.000	
8	Bộ huyết áp + ống nghe người lớn ALPK2	2018	Việt Nam	680.000	1	680.000	
9	Bộ khám ngũ quan 9 chi tiết	2012	"	845.000	1	845.000	
10	Bộ khám răng 11 chi tiết	2009	"	1.834.000	1	1.834.000	
11	Bộ khám răng 17 chi tiết	2011	"	3.245.000	1	3.245.000	
12	Bộ khám răng 4 chi tiết	2011	"	400.000	1	400.000	
13	Bộ tiểu phẫu 24 chi tiết	2012	"	6.184.500	1	6.184.500	
14	Bốc thụt + dây dẫn	2012	"	359.100	1	359.100	
15	Cân người lớn + thước đo Shanghai	2012	Việt Nam	1.700.000	1	1.700.000	
16	Đèn gù	2011	Việt Nam	725.000	1	725.000	
17	Đèn gù tiểu phẫu di động	2013	"	2.615.000	1	2.615.000	
18	Ga giường	2019	"	143.000	2	286.000	
19	Huyết áp + ống nghe ALPK2	2011	"	590.000	1	590.000	
20	Huyết áp người lớn Tanaka	2012	Việt Nam	764.400	1	764.400	
21	Máy điện châm Greatwall/TQ	2010	TQ	6.240.000	1	6.240.000	
22	Máy điện châm KW D8081	2010	"	1.749.000	1	1.749.000	
23	Máy hút dịch	2011	"	3.674.000	1	3.674.000	
24	Máy huỷ bơm kim tiêm	2009	Việt Nam	1.432.000	1	1.432.000	
25	Máy thử đường huyết -2013	2013	Trung Quốc	2.100.000	1	2.100.000	
26	Máy xét nghiệm đường huyết Oncall Plus G113-214	2022	"	1.440.000	1	1.440.000	
27	Nhiệt kế đo tai Medel	2014	Italia	1.200.000	1	1.200.000	
28	Nồi hấp tiệt trùng 18l	2012	Trung Quốc	4.200.000	1	4.200.000	
29	Ống nghe tim phổi	2010	Việt Nam	60.000	1	60.000	
30	Ống nghe tim phổi ALPK2	2015	"	40.000	1	40.000	
31	Thước đo đứng, nằm TE	2011	Việt Nam	793.100	1	793.100	
32	Bộ huyết áp+ ống nghe ALPK2	2014	"	630.000	1	630.000	
33	Huyết áp điện tử	2022	Nhật	1.400.000	2	2.800.000	
34	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2022	Nhật	700.000	1	700.000	
35	Máy đo nồng độ SPO2 CONTEX CMS 50D	2022	Trung Quốc	400.000	10	4.000.000	
36	Máy đo SPO2 Janeko FS20D	2022	"	445.000	12	5.340.000	
37	Nhiệt kế điện tử đo trán	2022	"	900.000	3	2.700.000	
38	Nhiệt kế hồng ngoại 3 chế độ CHIDO Panga	2022	Nhật Bản	465.000	2	930.000	
39	Ống nghe ALPK P.C)	2013	Việt Nam	120.000	2	240.000	
9	ĐIỂM Y TẾ TIỀN PHƯƠNG					56.252.648	
1	Máy in OKI	2009	Nhật bản	7.622.574	1	7.622.574	
2	Bộ lưu điện UPS Liebert	2009	Trung Quốc	5.532.574	1	5.532.574	
3	Máy nghe tim thai Babycom	2009	Mỹ	6.936.000	1	6.936.000	
4	Máy phun thuốc phòng dịch 3WF -3A	2009	Việt Nam	7.310.000	1	7.310.000	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
5	Giường I Nox	2009	Việt Nam	3.125.000	1	3.125.000	
6	Bộ tiêu phẫu 8 chi tiết	2009	"	2.634.000	1	2.634.000	
7	Bộ khâu tăng sinh môn	2009	"	1.848.000	1	1.848.000	
8	Đệm y tế + ga trải giường	2009	"	1.000.000	1	1.000.000	
9	Máy điện châm KW D8081	2009	Việt Nam	2.150.000	1	2.150.000	
10	Máy điện châm 5 giắc ET- TK21	2009	Trung Quốc	900.000	1	900.000	
11	Máy điện châm	2009	Việt Nam	486.000	1	486.000	
12	Máy châm cứu 5 cực	2009	"	344.000	1	344.000	
13	Máy thử đường huyết 2013	2009	Trung Quốc	2.100.000	1	2.100.000	
14	Ôn áp li oa 2kw	2011	Việt Nam	2.000.000	1	2.000.000	
15	Bộ đặt vòng 6 chi tiết	2009	Việt Nam	1.733.400	1	1.733.400	
16	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2009	"	468.600	2	937.200	
17	Huyết áp người lớn ALPK2	2009	"	760.000	1	760.000	
18	Bộ huyết áp + ống nghe người lớn ALPK2	2009	"	630.000	1	630.000	
19	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2021	"	590.000	1	590.000	
20	Huyết áp	2009	"	348.000	1	348.000	
21	Tủ đầu giường	2009	Việt Nam	405.300	3	1.215.900	
22	Nhiệt kế đo tai Medel	2009	Italia	1.200.000	1	1.200.000	
23	Nhiệt kế điện tử bắn trán	2021	Việt Nam	450.000	1	450.000	
24	Thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm (màu đen)	2009	"	920.000	1	920.000	
25	Thùng đựng chất thải lây nhiễm màu vàng	2009	"	490.000	1	490.000	
26	Thùng đựng chất thải thông thường màu xanh	2009	"	490.000	1	490.000	
27	Ghế gấp G01 Xuân Hoà	2011	"	350.000	1	350.000	
28	Cụm giảm áp đồng hồ ô xy	2021	"	450.000	1	450.000	
29	Thuốc đo năm	2009	Việt Nam	235.000	1	235.000	
30	Ống nghe y tế Kenzmedico	2021	Nhật Bản	130.000	1	130.000	
31	Máy đo SPO2 Kaneko FS20D	2020	Trung Quốc	445.000	3	1.335.000	
10	ĐIỂM Y TẾ NGỌC HOÀ					29.745.574	
1	Cốc đựng bông ướt	2020	"	51.000	1	51.000	
2	Cốc đựng bông khô	2020	"	51.000	1	51.000	
3	Đệm y tế + ga	2020	"	1.430.000	1	1.430.000	
4	Huyết áp + ống nghe ALPK2	2020	Nhật Bản	600.000	1	600.000	
5	Máy huỷ bơm tiêm	2021	"	1.435.000	1	1.435.000	
6	Bàn ghế tiếp khách trạm trưởng		"	7.700.000	1	7.700.000	
7	Bộ lưu điện 500VA huyndail	2021	Trung	1.177.000	1	1.177.000	
8	Ghế gấp G01 xuân hoà	2021	Việt Nam	350.000	1	350.000	
9	Ghế I nox tròn 4 chân	2021	"	179.000	1	179.000	
10	Máy In B10 ther HLB2000	2021	Trung	3.200.000	1	3.200.000	
11	Máy in OKI	2021	Việt Nam	7.622.574	1	7.622.574	
12	Micro có dây + chân đế	2021	"	2.200.000	1	2.200.000	
13	Quạt sưởi cây Face	2021	"	1.500.000	1	1.500.000	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
14	Loa nén treo tường	2021	"	2.250.000	1	2.250.000	
11	ĐIỂM Y TẾ ĐẠI YÊN					27.604.945	
1	Đèn gù 1 bóng, 1 chân đèn	2010	Việt nam	924.810	1	924.810	
2	Nhiệt kế đo tai Medel	2010	Italy	1.200.000	1	1.200.000	
3	Ghế gấp G01 Xuân hoà	2013	Việt Nam	350.000	1	350.000	
4	Ghế I Nox 4 chân	2010	"	16.687	5	83.435	
5	Máy bơm nước GP-200JXKIPX4	2014	"	2.149.400	1	2.149.400	
6	Quạt treo tường điện cơ thống nhất	2010	"	500.000	2	1.000.000	
7	Nhiệt kế điện tử đo trán Microlife	2021	Trung Quốc	900.000	3	2.700.000	
8	Máy huỷ bơm kim tiêm	2010	Tiawan	1.435.000	1	1.435.000	
9	Bàn làm việc KT 1200 x 650 x 750 mm	2017	Việt Nam	900.000	1	900.000	
10	Nồi hấp tiệt trùng 20 lít	2010	Mỹ	4.968.300	1	4.968.300	
11	Bộ cắt rốn 6 chi tiết	2010	Việt Nam	1.612.000	1	1.612.000	
12	Máy hút dịch	2021	Nhật	3.674.000	1	3.674.000	
13	Huyết áp điện tử	2021	"	1.400.000	1	1.400.000	
14	Ống nghe ALPK	2022	"	120.000	2	240.000	
15	Ống nghe y tế Kenzmedico	2021	"	130.000	1	130.000	
16	Bộ khâu tăng sinh môn	2010	Việt Nam	1.559.000	1	1.559.000	
17	Mỏ vịt cỡ trung	2010	"	74.500	6	447.000	
18	Bạc lên xuống D40xR40XC46cm	2010	"	445.000	1	445.000	
19	Đệm cứng	2021	"	2.387.000	1	2.387.000	
12	ĐIỂM Y TẾ THỤY HƯƠNG					57.530.161	
1	Máy in Canon	2012	Trung Quốc	3.820.000	1	3.820.000	
2	Máy in canon 2900	2017	"	3.300.000	1	3.300.000	
3	Tăng âm xách tay	2010	"	8.500.000	1	8.500.000	
4	Tăng âm TOA	2010	Indonesia	9.000.000	1	9.000.000	
5	Dây loa, phụ kiện	2010	"	500.000	1	500.000	
6	Loa nén TOA	2010	"	992.250	2	1.984.500	
7	Micro	2010	"	865.000	1	865.000	
8	Micro Shua	2010	China	1.600.000	1	1.600.000	
9	Ghế gấp G01 Xuân Hoà	2013	Việt Nam	390.000	1	390.000	
10	Ghế I nox 4 chân	2014	"	16.687	8	133.496	
11	Ổn áp lioa 2kw		"	2.000.000	1	2.000.000	
12	Tủ sấy tiệt trùng 25 lít	2010	"	1.674.000	1	1.674.000	
13	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2		Nhật	468.600	2	937.200	
14	Bộ huyết áp ống nghe người lớn ALPK2	2013	"	630.000	1	630.000	
15	Ống nghe tim phổi	2010	"	60.000	1	60.000	
16	Ống nghe tim phổi ALPK2	2015	Nhật	40.000	1	40.000	
17	Bình ô xy 8 lít	2010	China	1.050.000	1	1.050.000	
18	Bạc lên xuống D40xR40XC46 cm	2010	Việt nam	445.000	1	445.000	



STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
19	Bàn khám phụ khoa	2010	"	4.944.975	1	4.944.975	
20	Thuốc đo nằm trẻ em		"	396.550	2	793.100	
21	Cân người lớn + thuốc đo Shanghai	2014	China	1.700.000	1	1.700.000	
22	Cân Nhơn hoà 20kg		Việt nam	897.000	1	897.000	
23	Cân trẻ sơ sinh	2014	"	677.985	1	677.985	
24	Máy điện châm	2013	"	486.000	1	486.000	
25	Máy điện châm 5 giắc ET -TK21	2019	"	450.000	2	900.000	
26	Đèn Cla 3 choá	2015	China	1.104.905	1	1.104.905	
27	Nhiệt kế điện tử đo trán Microlife	2021	Thụy sỹ	300.000	3	900.000	
28	Nhiệt kế hồng ngoại 3 chế độ CHIDO Panga	2021	Việt Nam	232.500	2	465.000	
29	Nhiệt kế điện tử Microlife	2015	Thụy sỹ	820.000	1	820.000	
30	Nhiệt kế đo tai Medel	2016	Taiwan	1.200.000	1	1.200.000	
31	Nhiệt kế đo tai Poly Green	2016	"	1.250.000	1	1.250.000	
32	Đệm cứng	2021	Việt nam	2.387.000	1	2.387.000	
33	Xe tiêm 2 tầng	2011	"	1.245.000	1	1.245.000	
34	Ống nghe y tế Kenzmedico	2021	Nhật Bản	130.000	1	130.000	
35	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2021	Việt Nam	700.000	1	700.000	
						-	
13	ĐIỂM Y TẾ BIÊN GIANG					81.404.000	
1	Bộ truyền thông lưu động	2016	China	5.480.000	1	5.480.000	
2	Loa	2009	Indonesia	605.000	1	605.000	
3	Âm Ly	2009	"	3.250.000	1	3.250.000	
4	Quạt trần	2009	Việt Nam	850.000	2	1.700.000	
5	Quạt cây	2009	"	795.000	1	795.000	
6	Quạt treo tường	2016	"	548.000	1	548.000	
7	Ghế xoay	2012	"	954.000	4	3.816.000	
8	Quạt sưởi	2015	Hàn Quốc	1.350.000	1	1.350.000	
9	Đài JVC	2009	Nhật Bản	2.655.000	1	2.655.000	
10	Chân + Micro	2009	Việt Nam	2.200.000	1	2.200.000	
11	Nồi hấp ướ	2007	Nhật	3.050.000	1	3.050.000	
12	Máy huỷ bơm kim tiêm	2021	Việt Nam	1.435.000	1	1.435.000	
13	Máy Fax	2010	Malaisia	750.000	1	750.000	
14	Cục tích điện	2012	Trung Quốc	1.086.000	1	1.086.000	
15	Ồn áp	2012	Việt Nam	2.000.000	1	2.000.000	
16	Am pu bóp bóng lớn	2012	Trung Quốc	195.000	2	390.000	
17	Am pu bóp bóng trẻ em	2012	Trung Quốc	190.000	2	380.000	
18	Huyết áp điện tử	2021	Đức	1.250.000	1	1.250.000	
19	Đèn gù	2011	Trung Quốc	925.000	2	1.850.000	
20	Ti vi Samsung	2016	Hàn Quốc	5.975.000	1	5.975.000	
21	Bàn làm việc	2013	Việt Nam	1.300.000	4	5.200.000	
22	Điện thoại bàn	2013	"	495.000	1	495.000	
23	Bàn tiểu phẫu I Nox	2011	"	2.934.000	1	2.934.000	
24	Cặp nhiệt độ	2011	"	25.000	3	75.000	
25	Cân chiều cao	2014	"	1.700.000	2	3.400.000	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
26	Lò nướng điện Galy	2010	Trung Quốc	1.674.000	2	3.348.000	
27	Bình cứu hoả đầy	2012	Việt Nam	1.650.000	2	3.300.000	
28	Tủ đựng tài liệu	2010	"	3.300.000	2	6.600.000	
29	Ghế xoay I nox	2015	"	460.000	2	920.000	
30	Hộp bông I nox	2006	"	248.000	1	248.000	
31	Bình bơm tay 3615FV	2020	Đức	12.000.000	1	12.000.000	
32	Bộ khám phụ khoa	2012	Việt Nam	1.224.000	1	1.224.000	
33	Đồng hồ bấm giờ	2012	"	495.000	1	495.000	
34	Máy đo huyết áp thủy ngân	2010	Trung Quốc	600.000	1	600.000	
Tổng cộng: 231 danh mục						452.564.557	

HONG A
 Y TẾ
 10/

UBND PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ
TRẠM Y TẾ

PHIẾU BỎ GIÁ MUA
(Mua Tài sản, dụng cụ hỏng thanh lý năm 2026)

Họ và tên người tham gia:.....

Ngày, tháng, năm sinh :.....

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/CMTND:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Giá khởi điểm đấu giá do Hội đồng thanh lý Trạm y tế quy định: **20.806.500 đồng.**

(Hai mươi triệu tám trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng)

Giá cá nhân, tổ chức bỏ mua ghi bằng số:.....

Số tiền viết bằng chữ:.....

.....

Lưu ý : Khi đến nộp phiếu bỏ giá mua đề nghị quý đơn vị mang theo Căn cước công dân và đặt cọc số tiền đảm bảo là : 5.000.000 đồng.



Ngày tháng năm 2026

NGƯỜI MUA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận thời gian nộp

Phòng Hành chính tổng hợp trạm y tế nhận Phiếu bỏ giá mua
Vào hồi giờ phút , ngày tháng năm 2026.

Người nhận phiếu
(ký, ghi họ tên)

xác nhận người nộp
(ký, ghi họ tên)

